**6. Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4**

6.1. Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện.;

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái;

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình Lãnh đạo Sở;

+ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả- Sở Giao thông Vận tải.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần:

1) Hồ sơ do cơ sở đào tạo lập thành 01 bộ, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải, bao gồm:

a) Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ GTVT Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chức năng đào tạo lái xe của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bản sao Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

d) Bản sao Giấy đăng ký xe của xe tập lái đối với các hạng A3, A4;

2) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ GTVT Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

6.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở GTVT Hà Nam.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Hà Nam.

+ Cơ quan phối hợp(nếu có):

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe .

6.8. Lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: không

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ sở đào tạo lái xe là cơ sở giáo dục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền thành lập, có chức năng đào tạo lái xe.

+ Cơ sở đào tạo lái xe phải phù hợp với quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định tại điều 5 Thông tư 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ GTVT.

**Tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe**

Cơ sở đào tạo lái xe phải có đủ hệ thống phòng học chuyên môn, phòng nghiệp vụ, đội ngũ giáo viên, xe tập lái, sân tập lái và tuyến đường tập lái bảo đảm các tiêu chuẩn dưới đây:

1) Hệ thống phòng học chuyên môn

a) Phòng học chuyên môn bảo đảm diện tích tối thiểu 50 m2.

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô và các hạng A3, A4 phải có đủ các phòng học chuyên môn: Pháp luật giao thông đường bộ, cấu tạo và sửa chữa thông thường, Kỹ thuật lái xe, Nghiệp vụ vận tải, Đạo đức người lái xe (có thể xếp chung với phòng học Nghiệp vụ vận tải) bố trí tập trung và phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa;

c) Cơ sở đào tạo lái xe mô tô hai bánh các hạng A1, A2 phải có 01 phòng học chung Pháp luật giao thông đường bộ và Kỹ thuật lái xe.

2) Phòng học Pháp luật giao thông đường bộ

a) Có thiết bị nghe nhìn (màn hình, đèn chiếu), tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô và các hạng A3, A4 phải có phòng học Pháp luật giao thông đường bộ trên máy tính, bố trí riêng biệt gồm: máy chủ, máy in và ít nhất 10 máy tính được nối mạng,

3) Phòng học cấu tạo và sửa chữa thông thường

a) Có mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực; mô hình hệ thống điện;

b) Có hình hoặc tranh vẽ sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái;

c) Có các cụm chi tiết tháo rời của ô tô.

4) Phòng học Kỹ thuật lái xe

a) Có phương tiện nghe nhìn phục vụ giảng dạy (như băng đĩa, đèn chiếu,...);

b) Có hình hoặc tranh vẽ mô tả các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái và đệm tựa, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái,...);

c) Có ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng (có thể bố trí ở nơi riêng biệt);

d) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng từ 1.000 học viên trở lên phải có 02 phòng học Kỹ thuật lái xe.

5) Phòng học Nghiệp vụ vận tải

a) Có hệ thống bảng, biểu phục vụ giảng dạy nghiệp vụ chuyên môn về vận tải hàng hóa, hành khách;

b) Có các tranh vẽ ký hiệu trên kiện hàng.

6) Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa

a) Có hệ thống thông gió và chiếu sáng bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Nền nhà đủ cứng vững, phẳng, không gây bụi, không bị rạn nứt, không trơn trượt;

c) Bảo đảm cho lớp học không quá 6 học viên, được trang bị đồ nghề chuyên dùng với mức tối thiểu là 8 - 10 người /bộ và có tủ riêng đựng đồ nghề;

d) Có các hệ thống, tổng thành chủ yếu của ô tô như: động cơ tổng thành hoạt động tốt, hệ thống truyền động, hệ thống lái, hệ thống điện;

đ) Có bàn tháo lắp, bảng, bàn ghế cho giảng dạy, thực tập.

7) Phòng điều hành giảng dạy

Có bảng ghi chương trình đào tạo, tiến độ đào tạo năm học, bàn ghế và các trang thiết bị cần thiết cho cán bộ quản lý đào tạo.

8) Phòng chuẩn bị giảng dạy của giáo viên (có thể xếp chung với phòng điều hành giảng dạy)

Có đủ bàn, ghế, bảng, tủ đựng tài liệu, đồ dùng dạy học cần thiết.

9) Tiêu chuẩn chung giáo viên dạy lái xe

a) Có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt;

b) Có đủ sức khỏe theo quy định;

c) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trừ trường hợp đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học sư phạm ; cao đẳng, đại học sư phạm kỹ thuật

10) Tiêu chuẩn giáo viên dạy lý thuyết

Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 9 Điều này, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung trở lên; và trình độ A về tin học trở lên;

b) Giáo viên dạy môn Pháp luật giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe ô tô; giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hạng xe đào tạo trở lên.

11) Tiêu chuẩn giáo viên dạy thực hành

Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 9 Điệu này, còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp(trừ giáo viên đã được cấp giấy chứng nhận dạy thực hành lái xe).

b) Giáo viên dạy lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng. Giáo viên dạy lái xe ô tô phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2; thời gian hành nghề lái xe của giáo viên dạy các hạng B1, B2 từ 03 năm trở lên; thời gian hành nghề lái xe của giáo viên dạy các hạng C, D, E và F từ 05 năm trở lên;

c) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành và được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại các Phụ lục 1a và Phụ lục 1b của 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ GTVT.

12) Xe tập lái

a) Có đủ xe tập lái các hạng tương ứng với lưu lượng đào tạo ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

b) Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E; Đối với xe tập lái hạng Fc có thể sử dụng xe hợp đồngvới thời hạn và số lượngphù hợp với nhu cầu đào tạo.

c) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải có xe số tự động (thuộc sở hữu hoặc hợp đồng), bảo đảm số giờ tập lái theo nội dung, chương trình đào tạo;

d) Ô tô tải được đầu tư mới để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải là xe có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

đ) Có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực;

e) Có hệ thống phanh phụ bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, kết cấu chắc chắn, thuận tiện, an toàn, bảo đảm hiệu quả phanh trong quá trình sử dụng;

g) Thùng xe phải có mui che mưa, nắng và ghế ngồi chắc chắn cho người học;

h) Hai bên cánh cửa hoặc hai bên thành xe, kể cả xe hợp đồng phải ghi tên cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp và điện thoại liên lạc theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư của 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

i) Ô tô phải có 02 biển “TẬP LÁI” theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư của 58//2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ GTVT,

k) Mô tô ba bánh, máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg phải có 02 biển “TẬP LÁI” theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư của 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ GTVT,

l) Có giấy phép xe tập lái do Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải cấp khi đủ điều kiện quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, khoản này.

13) Sân tập lái xe

a) Thuộc quyền sử dụng của cơ sở đào tạo lái xe. Nếu thuê sân tập lái phải có hợp đồng với thời hạn bằng hoặc dài hơn thời hạn của giấy phép đào tạo lái xe;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu luợng đào tạo 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe, bảo đảm diện tích mỗi sân theo quy định;

c) Sân tập lái ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo. Kích thước các hình tập lái phù hợp tiêu chuẩn Trung tâm sát hạch lái xe đối với từng hạng xe tương ứng;

d) Mặt sân có cao độ và hệ thống thoát nước bảo đảm không bị ngập nước; bề mặt các làn đường và hình tập lái trong sân được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đủ vạch sơn kẻ đường và hình các bài tập lái được bó vỉa;

đ) Có diện tích dành cho cây xanh; nhà chờ có ghế ngồi cho học viên học thực hành.

14) Diện tích tối thiểu của sân tập lái

a) Đào tạo các hạng A1, A2: 700 m2;

b) Đào tạo các hạng A1, A2, A3, A4: 1.000 m2;

c) Đào tạo các hạng B1 và B2: 8.000 m2;

d) Đào tạo đến hạng C: 10.000 m2;

đ) Đào tạo đến các hạng D, E và F: 14.000 m2.

2) Đường tập lái xe ô tô

Đường giao thông công cộng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải quy định cho cơ sở đào tạo để dạy lái xe phải có đủ các tình huống giao thông phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, như: đường bằng, đường hẹp, đường dốc, đường vòng, qua cầu, đường phố, thị xã, thị trấn đông người. Tuyến đường tập lái (kể cả đường thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác) phải được ghi rõ trong giấy phép xe tập lái.

3) Xác định lưu lượng đào tạo lái xe ô tô

Trên cơ sở bảo đảm các điều kiện về phòng học, sân tập lái, đội ngũ giáo viên và bộ máy quản lý, lưu lượng đào tạo mỗi hạng giấy phép lái xe được xác định bằng số lượng xe tập lái hạng đó nhân với số lượng học viên quy định trên một xe và nhân với hệ số 2 (hai), số lượng học viên học thực hành tại một thời điểm không được vượt quá khả năng đáp ứng số xe tập lái từng hạng của cơ sở đào tạo.

6.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) ngày 13/11/2008.

+ Thông tư 58//2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ GTVT Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Có hiệu lực từ ngày 01/01/203.